

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST.

Ngày: 07/5/2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Phúc và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K - tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2020/TLST - HS ngày 09/4/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. VÕ THẾ L**, tên gọi khác: không, sinh ngày 11/03/1995, tại tỉnh K.

Nơi ĐKKHKT: Số 156 Hàm Nghi, Tổ 4, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Thế L1, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975; Vợ là: Đặng Thị L2, sinh năm: 1997, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Ngày 15/5/2019 bị Công an thành phố K xử phạt vi phạm hành chính (Phạt tiền 1.500.000 đồng), về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

**2. TRẦN ANH V**, tên gọi khác: không, sinh ngày 01/8/1988 tại tỉnh K.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hữu H (đã chết) và bà Mang Thị H (sinh năm 1952); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1972. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 76 Ngô Sĩ L, phường Duy T, TP. K, tỉnh K.

2. Anh Lê L, sinh năm 1971. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: 102 Nguyễn Viết X, phường Thắng Lợi, TP. K, tỉnh K.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1975. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân L, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Đặng Thị L2, sinh năm 1997. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 156 Hàm Nghi, tổ 4 phường Duy T, thành phố K, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian vào ngày 22/10/2019 và ngày 06/11/2019, Võ Thế L cùng Trần Anh V đã thực hiện nhiều lần hành vi “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn tỉnh K, cụ thể như sau:

**Lần 1:** Vào khoảng 02 giờ ngày 22/10/2019, Võ Thế L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 81H8-1672 đến nhà Trần Anh V rủ V đi trộm cắp tài sản thì V đồng ý.

Sau đó L điều khiển xe mô tô BKS 81H8-1672 chở V về nhà tại số 156 Hàm Nghi, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K lấy 01 kiềm cộng lực và 01 xe cộ bằng kim loại. L điều khiển xe mô tô BKS 81H8-1672 chở V phía sau kéo xe cộ, có kiềm cộng lực. Khi L, V đi đến ki ốt của bà Lê Thị H (Sinh năm 1972), trú tại 76 Ngô Sĩ L, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K trước nhà bà H. Quan sát thấy không có ai, V dừng xe mô tô lại thấy có khoá cửa nên V dùng kiềm cộng lực cắt khoá, mở cửa và giữ cửa cho L vào bê 20 bao than củi chất lên xe cộ vận chuyển về nhà V tại Tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K cất dấu. Sau đó L đã bán 04 bao than củi cho 01 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân lai lịch) được 200.000 đồng, còn lại 16 bao than, L chở về nhà số 156 Hàm Nghi, phường Duy T, TP. K cất dấu, số tiền bán than củi L chia cho V 100.000 đồng còn lại L được 100.000 đồng và đã tiêu xài hết số tiền trên.

**Lần 2:** Khoảng 20 giờ ngày 06/11/2019, Võ Thế L gọi điện rủ Trần Anh V đi trộm cắp tài sản thì V đồng ý. Sau đó L điều khiển xe mô tô BKS 81H8-1672 từ nhà đến nhà V đón V, thấy V đang đi bộ một mình. Sau đó, L chở V đi tìm xem nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà ông Lê L (Sinh năm 1971) trú tại 102 Nguyễn Viết X, phường Thắng Lợi, TP. K, phát hiện 01 bàn gỗ gốc cây sung để bên hiên nhà, nên L điều khiển xe mô tô BKS 81H8-1672 chở V đến nhà L lấy 01 xe cộ, và vận chuyển 01 bàn gỗ gốc sung về nhà V cất dấu. Khi đi đến nhà V tại tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K thì bị lực lượng Công an phường Nguyễn Trãi phát hiện và tạm giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/ĐG-TS ngày 20/2/2020 của Hội đồng ĐGTS-TTHS của Ủy ban nhân dân thành phố K, kết luận tổng giá trị 20 bao than củi là: 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 108/DG-TS ngày 12/11/2019 của của Hội đồng ĐGTS-TTHS của Ủy ban nhân dân thành phố K, kết luận 01 chiếc bàn được làm bằng gốc cây sung có kích thước: cao khoảng 0,6m, mặt bàn dài rộng không đồng đều (theo hình thù của cây: đoạn dài khoảng 1,2m; đoạn rộng giữa khoảng 0,7m) trị giá là: 2.968.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 6.368.000 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

#### **Vật chứng của vụ án:**

Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CSĐT) Công an thành phố K đã tịch thu và xử lý trong quá trình điều tra vụ án:

- 01 (một) xe mô tô BKS 81H8-1672, nhãn hiệu Wave, màu nâu không có bửng, không có gương chiếu hậu, qua điều tra xác minh thì xe mô tô này của anh Nguyễn Trọng B\, làm mất trong lúc đi làm rẫy tại xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. L mua xe mô tô trên của một người không rõ nhân thân lai lịch, với số tiền 1.200.000 đồng. Đây là vật chứng trong vụ án xảy ra tại huyện Ia, tỉnh Gia Lai, hiện CSĐT Công an thành phố K đã làm công văn trao đổi thông tin tội phạm và sẽ chuyển vật chứng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Ia, tỉnh Gia Lai xử lý theo thẩm quyền.

- Ngày 06/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả lại 16 bao than củi cho chị Lê Thị H; 01 bàn bằng gốc cây sung, cao khoảng 0,6m, mặt bàn dài rộng không đồng đều (theo hình thù của cây: đoạn dài khoảng 1,2m, đoạn rộng giữa khoảng 0,7m) đã trả cho anh Lê L.

- 01 (một) xe cộ bằng kim loại, thùng xe cộ dài khoảng 1m8, rộng khoảng 0,90m, thành xe cao 0,6m và 01 (một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu LV 133-LV Mobile chuyển Chi cục thi hành án Dân sự thành phố K bảo quản theo quy định.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobile màu đen (không nhớ sim điện thoại) của bị cáo Võ Thế L dùng gọi điện cho Trần Anh V bị hư hỏng đã vứt đi, và 01 (một) kim cộng lực bằng sắt có chiều dài 30cm, theo lời khai của Võ Thế L, Trần Anh V bị rơi ở đâu không nhớ nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố K không thu giữ được.

**Về trách nhiệm dân sự:** Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSTPKT ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, đã truy tố các bị cáo Võ Thế L và Trần Anh V về tội “*Trộm*

*cấp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Võ Thế L (tên gọi khác: không) và Trần Anh V (tên gọi khác: không) như Cáo trạng, và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt: **Võ Thế L** từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt: **Trần Anh V** từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Đối với Đặng Thị L2 (Vợ bị cáo Võ Thế L), khi bị cáo L mang 16 bao than củi trộm cắp cất giấu tại nhà địa chỉ 156 Hàm Nghi, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K. Chị L2 không biết số than trên là than củi do L trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với 04 bao than mà L đã bán cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) nên không thu hồi được.

Đối với số tiền mà các bị cáo bán than củi được 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), đây là tiền bán than củi do thực hiện hành vi trộm cắp mà có, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền trên.

Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không

có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 22/10/2019 và ngày 06/11/2019, Võ Thế L và Trần Anh V tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. L và V lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tại ki ốt nhà chị Lê Thị H, trú tại 76 Ngô Sĩ Liên, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K thực hiện hành vi trộm cắp 20 bao than củi, và nhà anh Lê L trú tại 102 Nguyễn Viết X, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K thực hiện hành vi trộm 01 bàn gỗ bằng gốc cây sung, có kích thước 0,6m x 1,2m x 0,7m hình dạng không đồng đều. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.368.000 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường Nguyễn Trãi, tỉnh K lập hồi 02 giờ 50 phút ngày 06/11/2019 cũng như vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Các bị cáo Võ Thế L và Trần Anh V đã có hành vi trộm cắp tài sản, với tổng số tiền là 6.368.000 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó cáo trạng số: 58/CT-VKSTPKT ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K đã truy tố đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo L và bị cáo V thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Trần Anh V có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Võ Thế L trước đây đã bị xử phạt hành chính về

hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng chưa nộp phạt, bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[6] Về tình tiết, mức độ hành vi và vai trò của các bị cáo: Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Đây cũng là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cụ thể, bị cáo Võ Thế L là người khởi xướng, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện phạm tội và cùng bị cáo Trần Anh V thực hiện hành vi phạm tội.

Với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Đối với Đặng Thị L2 (Vợ bị cáo Võ Thế L), khi bị cáo L mang 16 bao than củi trộm cắp cất giấu tại nhà địa chỉ 156 Hàm Nghi, phường Duy T, thành phố K, tỉnh K. Chị L2 không biết số than củi trên là than củi do L trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê L và chị Lê Thị H đã nhận lại tài sản, và không yêu cầu bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng:

+ Các vật chứng đã được xử lý trong quá trình điều tra HĐXX không xem xét lại.

+ Các vật chứng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobilie màu đen của Võ Thế L dùng liên lạc với Trần Anh V, và 01 cái kìm cộng lực bằng sắt có chiều dài 30cm, theo lời khai của V và L bị rơi ở đâu không nhớ nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố K không thu giữ được trong quá trình điều tra, do đó HĐXX không xem xét lại.

+ Đối với 01 (một) xe cộ bằng kim loại, thùng xe cộ dài khoảng 1m8, rộng khoảng 0,90m, thành xe cao 0,6m, là tài sản của bị cáo Võ Thế L. Bị cáo L dùng xe cộ này thực hiện vận chuyển đồ trộm cắp. Và 01 (một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu LV 133-LV Mobile, đây là tài sản của bị cáo Trần Anh V dùng để liên lạc với L khi thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 22/10/2019 và 06/11/2019.

Hai vật chứng trên đều là phương tiện, công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện phạm tội, do đó cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Biện pháp tư pháp: Buộc **Võ Thế L**, **Trần Anh V** mỗi bị cáo nộp Ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Đây là số tiền do các bị cáo bán than củi trộm cắp, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố các bị cáo **Võ Thế L** và **Trần Anh V** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

#### **2. Về hình phạt:**

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Võ Thế L** 20 (Hai mươi) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 05/01/2020).

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Anh V** 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/12/2019).

#### **3. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu và sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) xe cộ bằng kim loại, thùng xe cộ dài khoảng 1m8, rộng khoảng 0,90m, thành xe cao 0,6m.

+ 01 (một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu LV 133-LV Mobile.

Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, lập ngày 05/5/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố K và Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2017: Buộc các bị cáo **Võ Thế L**, **Trần Anh V** mỗi bị cáo phải nộp 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

## 5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo **Võ Thế L, Trần Anh V** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/5/2020) các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

### ***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- VKSND TP K;
- CCTHA DS TP K;
- Công an TP K;
- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Long**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- VKSND TP K;
- CCTHA DS TP K;
- Công an TP K;
- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Long**

